

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

BIẾN ĐỘNG CỦA TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN THĂNG LONG - HÀ NỘI VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA ĐÔ THỊ HIỆN NAY

ĐỖ THỊ MINH THÚY^(*)

Thăng Long-Hà Nội kể từ buổi đầu vua Lý Thái Tổ dời đô về đây là một thành-thị hàng đầu của cả nước. Tuy nhiên, để thực sự trở thành một đô thị hiện đại như ngày nay, Thăng Long-Hà Nội đã trải qua những bước phát triển vượt bậc. Sự phát triển của Thăng Long-Hà Nội được ghi dấu ấn qua sự biến đổi của văn hóa, trong đó có sự biến động của tín ngưỡng dân gian.

Bước đệm từ Trung thế kỉ (cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX) sang thời Cận-hiện đại, đời sống văn hóa của Thăng Long-Hà Nội, đặc biệt đời sống tâm linh của cư dân, có những biến động lớn dưới tác động của ba sự kiện trọng đại. Cuối thế kỉ XVIII, Thăng Long mất vị trí kinh đô của quốc gia phong kiến. Cuối thế kỉ XIX, Thăng Long-Hà Nội là thành phố nhượng địa của Pháp. Và từ năm 1954, Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây là ba giai đoạn đánh dấu sự phát triển kế tiếp nhau của Thăng Long-Hà Nội cuối trung đại, cận đại và bước vào thời kì hiện đại. Riêng trên lĩnh vực đời sống tâm linh, sự tác động của các biến cố lịch sử bộc lộ qua thực trạng các cơ sở thờ tự tín ngưỡng. Cơ sở thờ tự

là nơi thờ cúng và thực hành các hành vi mang tính tín ngưỡng, là di sản văn hóa vật thể chuyên chở văn hóa tâm linh của một cộng đồng người. Các sự kiện lịch sử tác động trước hết tới các tầng lớp dân cư trong xã hội và dấu ấn sau hết của sự tác động này được lưu giữ qua các cơ sở thờ tự dù là di tích hay phế tích.

1. Sự kiện không còn là kinh đô của nhà nước phong kiến ảnh hưởng lớn tới đời sống chính trị của Thăng Long-Hà Nội, làm giảm đi một cách đáng kể tầng lớp quan liêu, nhưng về cơ bản kinh tế-xã hội nơi đây vẫn giữ được đà phát triển. Sự kiện này chỉ tác động trực tiếp tới các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian thuộc quyền quản lí của nhà nước: bị bỏ hoang phế như đàn tế giao do được thay thế bằng đàn tế giao mới ở kinh đô Huế; bị hạ cấp như đền thờ thần Bạch Mã, thành hoàng của kinh thành trở thành thành hoàng của thành Hà Nội. Phần lớn các đền, quán gắn với tầng lớp quan liêu nho sĩ, trở thành đền, chùa làng. Đến đầu thế kỉ XIX, khi Hà Nội chỉ còn là một tỉnh, tiếp đến thời kì thuộc Pháp, thì sự

^{*}. TS., Viện Văn hóa, Trường Đại học Văn hoá, Hà Nội.

giảm cơ giới tầng lớp quan liêu nho sĩ do Thăng Long-Hà Nội không còn là kinh đô, đến sự thay thế nho sĩ bởi tầng lớp trí thức Tây học là một trong những nguyên nhân chính yếu của thực trạng sự thờ cúng, nghi lễ ở các cơ sở thờ tự hướng tới tầng lớp này bị biến đổi như đền Bích Câu với tục đảo bút (phụng bút), tục cầu mộng, bói mộng ở đền Quán Thánh (sau này ở đền Ngọc Sơn) đã bị mất đi cùng sự biến mất của giới nho sĩ.

Ở giai đoạn này, kinh tế Thăng Long-Hà Nội vẫn tiếp tục đà phát triển bắt đầu từ cuối thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX, thành thị đã thu hút một lượng lớn thợ thủ công, người buôn bán nhỏ từ các trấn lân cận, các vùng miền khác tới. Do vậy, quá trình tụ cư, lập phường, dựng làng, xây mới cơ sở thờ tự tiếp tục diễn ra tuần tự, tự nhiên như vốn có ở Thăng Long - Hà Nội.

2. Cuối thế kỉ XIX, khi Hà Nội là thành phố nhượng địa của Pháp, tác động của sự kiện chính trị này đối với đời sống văn hóa nơi đây rất sâu sắc qua quá trình đô thị hoá theo hướng phát triển của một thành phố phương Tây. Kết cấu hạ tầng làng xã, phường hội của Thăng Long bị xáo trộn, bị thay thế do quá trình mở mang phố xá, đặc biệt bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản là kinh tế sản xuất tiểu thủ công, buôn bán nhỏ, quần cư kiểu làng xã bị mất dần ưu thế. Kinh tế tư bản theo chân thực dân Pháp nhưng đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến hơn, năng động hơn dần chi phối đời sống kinh tế, xã hội Hà Nội.

Do nhu cầu mở mang cơ sở hạ tầng của Pháp, thời kì này, một loạt đình chùa ở Hà Nội bị phá dỡ để mở đường hoặc xây dựng những công trình phi tín ngưỡng hoặc chuyển mục đích thờ tự. Có

thể kể các trường hợp sau: chùa Quan Thượng, chùa Báo Thiên, v.v...

Một điểm đáng chú ý ở thời kì này là hiện tượng một số ngôi đình đã được cộng đồng dân phố vốn là dân làng gốc góp công sức nâng tầng trên nền cũ. Ngôi đình cũ được thay thế chỉ bằng một gian gác, ví dụ như đình Yên Phú “xây lại năm 1923. Dân phố cho xây ba tầng, thờ thần tầng trên cùng, dưới cho thuê làm nơi buôn bán lấy lợi tức cho việc hương hoả”⁽¹⁾. Đình Đông Mĩ (số 127 Hàng Bông) “do một nhóm lái buôn lập ra để hội họp tế lễ, chỗ thờ đặt trên cùng, dưới làm nơi buôn bán”⁽²⁾. Đình làng Xuân Biều chỉ còn là gian gác hai (số 3 phố Tây Sơn).

Xu hướng thu hẹp không gian thiêng của các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian của Hà Nội là một xu hướng bị quy định bởi tính đặc thù của một thành thị. Nhưng do tác động của sự kiện Pháp chiếm đóng Hà Nội thì xu hướng này đã mang một tính chất mới, phản ánh sự tan rã của kết cấu làng xã vốn là những đơn vị hành chính cơ sở của Thăng Long - Hà Nội. Đây là sự biến động rất đáng lưu ý của ngôi đình, một loại hình thờ tự của tín ngưỡng dân gian Thăng Long - Hà Nội đặc biệt tại khu vực buôn bán phía Đông nơi quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ.

Nếu tín ngưỡng thờ thành hoàng bắt đầu có dấu hiệu mai một, đồng thời với việc phá bỏ một số đền chùa khác vì mục đích phi tín ngưỡng, thì cũng phải thấy rằng, bức tranh chung về đời sống tín ngưỡng dân gian Hà Nội không hoàn toàn đơn sắc mà ngược lại vẫn diễn ra

1. *Tuyển tập Văn bia Hà Nội*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1978, Quyển II, tr. 52.

2. Nguyễn Văn Uẩn. *Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb Hà Nội, 1995, tr. 933.

một cách sôi động. Có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chính là sự đòi hỏi nội tại từ nhu cầu tâm linh của người dân Hà Nội.

Bia công đức chùa Ngọc Hồ (128 Nguyễn Khuyến) dựng năm Bảo Đại thứ 3 (1928) xác nhận, đã có một “phong trào cải cách, đền chùa nhất luật đổi mới” ở Hà Nội đầu thế kỉ XX.

“Phong trào cải cách” này đi liền với sự đột khởi của tín ngưỡng Tam phủ, Tứ phủ.

Phạm vi hoạt động của Mẫu không bị giới hạn trong một thành hoặc một phường, một làng. Do vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu đã một mặt đáp ứng một cách tổng quát các nhu cầu về cầu an, cầu mưa thuận gió hoà vốn do thành hoàng làng giữ gìn ban phát. Mặt khác, tín ngưỡng thờ Mẫu đã đáp ứng được nhu cầu của tầng lớp tiểu thị dân vốn sinh sống bằng buôn bán nhỏ, có nhu cầu cầu tài, buôn may, bán đắt, đến các nhu cầu của tầng lớp công chức mới, xuất hiện thời Pháp như nhu cầu học hành thi cử, chức tước, quan lộc, v.v...

Theo một số nhà nghiên cứu, Mẫu được thờ ở Hà Nội vào khoảng thế kỉ XVII. Theo khảo sát của chúng tôi về các ngôi đền ở khu phố phường buôn bán phía Đông kinh thành Thăng Long, thờ Mẫu nằm trong tín ngưỡng thờ nữ thần. Số đền lập riêng thờ Mẫu không trội hơn số đền thờ Tứ vị Hồng Nương (thờ Mẫu cũng như thờ Tứ vị Hồng Nương là do các thương lái theo thuyền buôn đem từ phía Nam ra)⁽³⁾. Trong những cơ sở thờ Mẫu ở khu vực này lại có một số nơi thờ riêng Mẫu Thoải - vị thánh Mẫu cai quản, phù hộ việc đi lại trên sông nước như đền Khánh Thụy ở số 23 Hàng Hành, đình Đông Môn ở số 8 Hàng Cẩn. Như

vậy, khởi thủy tín ngưỡng thờ Mẫu là tín ngưỡng của thương lái du nhập vào Hà Nội nhằm bảo hộ trên sông nước. Sự phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu đã ghi nhận một biến động trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

3. Đời sống tín ngưỡng của Hà Nội từ năm 1954 đến nay có thể chia làm hai giai đoạn lớn: Từ 1954 đến trước đổi mới (1986) và giai đoạn thứ hai từ 1986 đến nay.

Từ năm 1954 đến 1986, đời sống kinh tế, xã hội Hà Nội có những đặc điểm sau:

Về cơ sở hạ tầng, Hà Nội nhìn chung giữ nguyên kết cấu cũ được hình thành từ thời Pháp thuộc, nhưng đáng chú ý là việc hình thành một số khu công nghiệp vành đai.

Về mặt kinh tế, Nhà nước thắt chặt quản lí kinh tế. Kinh tế thủ công, thương nghiệp tự do vốn là hoạt động kinh tế chính của Hà Nội bị thu hẹp; kinh tế quốc doanh chiếm ưu thế dẫn đến sự thu hẹp của tầng lớp tiểu thị dân. Bên cạnh đó là việc gia tăng cơ học dân cư Hà Nội với một lượng lớn công nhân được tuyển về làm trong các khu công nghiệp. Lớp công nhân này định cư trong các khu chung cư mới tách rời với dân cư cũ của Hà Nội. Họ hầu như không tham dự vào đời sống tâm linh của các thôn phường Hà Nội.

Mặt khác, nhiều làng cổ của Hà Nội còn tồn tại hầu như không có những biến động về cơ sở hạ tầng dân cư, nhưng do các tổ chức cơ sở cũ của làng xã như phe giáp, dòng họ không hoạt động, nên nhiều cơ sở thờ tự của làng xã nằm trong tình trạng hoang phế. Thời kì Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc,

3. Nguyễn Văn Uẩn. *Hà Nội nửa đầu Thế kỉ XX*, Sđd.

Sở Văn hóa Hà Nội có sáng kiến tập trung các đồ thờ có giá trị vào kho của Sở để quản lý tránh mất mát, nhưng kết quả nhiều đồ thờ quý bị trả sai địa chỉ hoặc thất lạc⁽⁴⁾. Nhiều cơ sở thờ tự lạnh lẽo hương khói đã rộng cửa đón tiếp các gia đình người Hà Nội vì lý do nào đó vào tá túc rồi ở lại luôn để hậu quả đến ngày nay, chẳng hạn đền Phủ Từ ở số 19 Hàng Lược nay chỉ còn sót lại tam quan. Nhiều cơ sở thờ tự bị xâm lấn thu hẹp do chính con cháu người trông coi, các ông bà thủ từ (đình Lò Rèn, đình Đông Môn), do cơ quan nhà nước sử dụng (đình Bích Câu).

Ở giai đoạn này, cơ sở thờ tự tồn tại được chủ yếu dựa vào sự bảo trợ của Nhà nước, đến năm 1986 cơ sở thờ tự thuộc tín ngưỡng dân gian được xếp hạng di tích có thể đếm trên đầu ngón tay: 1962 có đền Đồng Nhân, đền Voi Phục, đền Quán Thánh; 1980 có đền Ngọc Sơn; đến năm 1986 có thêm: đền Bạch Mã, đền Hoà Mã, đình Mai Động, đền Thụy Khuê, đình Vạn Phúc, đền Vũ Thạch, đình Yên Phụ; số chùa được xếp hạng có khá hơn. Số cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian hoạt động thực sự rất ít ỏi tùy thuộc vào vị trí được xếp hạng di tích.

Từ năm 1986, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã đem lại sự khởi sắc trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Đặc biệt cơ chế thị trường đã khôi phục lại không gian văn hóa truyền thống của người Hà Nội: từ 1986 - 1994 có thêm 336 ngôi đình, đền được công nhận di tích lịch sử văn hóa. Tầng lớp tiểu thị dân được phục hồi. Đồng thời thế hệ công nhân vào Hà Nội những năm 1956 - 1960 đã đến tuổi nghỉ hưu, bổ sung vào lớp người tự do của xã hội, tham gia tích cực vào đời sống tín ngưỡng Hà Nội. Các

làng xã ven đô phục hồi một phần thiết chế tự quản đã góp phần tu bổ cơ sở tín ngưỡng của làng.

4. Về thực trạng cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian Hà Nội hiện nay

Hiện nay, sự biến động của tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng qua khảo sát của chúng tôi tại cụm đình thuộc khu vực phố cổ phía Đông và cụm đình thuộc khu vực làng xã phía Tây, Tây Nam kinh thành Thăng Long, đang diễn ra trên hai cấp độ:

- Một là chuyển sang thờ thần Thành hoàng như một vị thần thông thường đồng thời đưa thêm đối tượng thờ mới.

- Hai là vẫn giữ được tính chất thờ thần Thành hoàng.

Các ngôi đình thuộc khu vực phố cổ Hà Nội mà chúng tôi khảo sát do mất cơ sở gốc là làng xã nên hầu như các thần Thành hoàng hiện được thờ như những vị thần thông thường. Một số đình, đền thuộc quyền quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội, và một số đình, đền thuộc tư nhân, vào ngày rằm mừng một dân hàng phố sống quanh đó vẫn đến thắp hương, cá biệt có ngôi đình chỉ còn là một ban thờ vô thừa nhận như trường hợp đình Vĩnh Hanh. Nguồn kinh phí nuôi sống đình đền là đội bát nhang, bán khoán, viết sớ, cúng sao giải hạn.

Vùng ngoại vi thành Thăng Long trước kia- ở khu vực phía Tây, Tây Nam, kết cấu của các làng cũ được bảo lưu tốt hơn. Đình làng dù trải qua thăng trầm, được sử dụng ngoài mục đích tín ngưỡng, nhưng từ sau 1986 hầu như được phục hồi khá tốt. Ban Quản lý đình do dân làng bầu ra đã duy trì được các hoạt

4. Theo lời kể từ làng Đông Xã (Năm 2003).

động của đình (các đình đều có ông từ trông coi). Thần Thành hoàng ở những nơi này vẫn giữ được sự linh thiêng, được thờ phụng đúng nghĩa là vị thần che chở cho dân làng.

Thờ tổ nghề cũng nằm trong tín ngưỡng Thành hoàng. Thông thường, tổ nghề đồng thời là Thành hoàng làng như Thành hoàng đình Lò Rèn, Thành hoàng đình Tú Thị,... Nhưng cũng có khi tổ nghề được phụ thờ với thành hoàng làng: đình làng Đông Xã, đình làng Hồ Khẩu. Tuy nhiên, tín ngưỡng thờ tổ nghề không quá phụ thuộc vào cơ cấu làng xã. Làng xã tan rã, nghề còn, phường hội còn thì tín ngưỡng tổ nghề vẫn được duy trì.

Đình Lò Rèn (số 1 phố Lò Rèn) là một trường hợp khá tiêu biểu của tín ngưỡng thờ tổ nghề. Sinh hoạt của đình có tính chất phường hội: hiện đình có 31 thành viên ở tản mát khắp Hà Nội.

Thờ Mẫu ở Hà Nội có tính chất phổ biến. Hầu khắp các đình, đền, chùa Hà Nội đều có ban thờ Mẫu. Dưới đây là các cơ sở thờ Mẫu khá tiêu biểu của Hà Nội.

Đền Nghia Lập ở số 32 Hàng Đậu

Đền Cổ Lương ở 28 Hàng Buồm

Phủ Tây Hồ là cơ sở thờ tự của tín ngưỡng thờ Mẫu lớn nhất ở Hà Nội. Phủ được trùng tu vào các năm 1999, 2000. Từ 1955 trở lại đây, phủ cấm cúng mã, lên đồng. Sinh hoạt tín ngưỡng của phủ rất nhộn nhịp. Vào dịp đầu năm, số người tới lễ trong một ngày lên tới mười ngàn người.

Chùa là cơ sở thờ tự của đạo Phật, đồng thời chùa còn là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng dân gian. Các ngôi chùa hiện vẫn giữ một vị trí đáng kể trong đời sống tín ngưỡng dân gian. Tính dân gian của Phật giáo thể hiện qua đối tượng thờ trong các ngôi chùa, chùa

không chỉ thờ Phật. Mô hình “tiền Phật, hậu Thánh”, “tiền Phật, hậu Thần” phổ biến ở Hà Nội. Các vị thánh, thần được thờ ở chùa có thể là nhiên thần, nhân thần và ở hầu hết các chùa Hà Nội đều lập ban thờ Mẫu. Ngoài ra, chùa nào cũng có ban thờ Tổ. Thờ cúng tưởng nhớ các vị sư tiền bối ở chùa là một biểu hiện của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên truyền thống của người Việt. Đặc biệt, thờ Hậu, đưa vong lên chùa khiến một số lượng lớn người bình dân được thờ trong chùa, đưa ngôi chùa xích lại gần hơn đời sống thường nhật của cộng đồng.

Trong đời sống tâm linh của cư dân đô thị hiện nay, ngôi chùa có một vai trò ngày càng tăng. Có thể chỉ ra hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất, đó là ngôi chùa đang gánh vác một phần việc của ngôi đình. Thiết chế làng ở thành phố bị phá vỡ dẫn đến sự suy giảm, thậm chí trở thành phế tích của ngôi đình. Vai trò bảo trợ cho cộng đồng làng của thần Thành hoàng bị mai một theo sự tan rã của làng. Lễ cầu yên do làng đứng ra thực hiện, nay chuyển về cho mỗi gia đình tự lo liệu. Trong khi nhu cầu tâm linh, cầu sự bình an cho gia đình trong đời sống hiện đại không mất đi, nó cần được giải toả. Một bộ phận không nhỏ dân cư Hà Nội tìm đến chùa và nhà chùa đã đáp ứng nhu cầu tâm linh này qua các lễ cầu an đầu năm, lễ cúng sao giải hạn...

Theo thống kê “Một vài hoạt động và vấn đề của các cơ sở thờ tự” của Viện Nghiên cứu Tôn giáo điều tra tháng 10 năm 2000, trong 67 cơ sở thờ tự gồm 32 ngôi chùa, 24 ngôi đình, 4 ngôi điện quán, 7 ngôi đền, cho thấy các hoạt động tín ngưỡng được liệt kê gồm cầu siêu, cúng sao giải hạn, lên đồng, viết sớ, xem bói, đưa vong lên chùa, bán khoán, sóc

thể, đặt bát hương, cầu tự có ở hầu hết các ngôi chùa, trong khi đó không có một ngôi đình nào có các hoạt động tín ngưỡng này. Các ngôi đền, điện, quán cũng chỉ thực hiện một vài hoạt động tín ngưỡng trong số các hoạt động tín ngưỡng được thống kê. Bổ sung vào thống kê của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, điều tra tại các cơ sở thờ tự của chúng tôi tại hai khu vực: khu buôn bán phía Đông và khu vực làng xã thủ công phía Tây Nam kinh thành Thăng Long, có thể rút ra một vài nhận xét là các ngôi đình do chuyển đổi mục đích thờ phụng từ thờ Thành hoàng, vị thần bảo trợ làng, chuyển sang thờ thần như một vị thần thông thường thì tại các cơ sở thờ tự như đình Thanh Hà, đình Đông Môn (trước kia), đình Phú Từ,... các hoạt động tín ngưỡng (như thống kê trên) được thực hiện thường xuyên và là nguồn thu nhập chính nuôi dưỡng đình. Trong khi các ngôi đình ở khu vực phía Tây, cơ cấu làng còn được bảo tồn khá tốt nên vẫn giữ được nếp cũ truyền thống thờ thành hoàng, tổ nghề, tổ các dòng họ, các hoạt động tín ngưỡng (kể trên) thường được thực hiện ở đền, miếu trong cụm các thiết chế tâm linh của làng, ví dụ làng An Thái với điện Long Tỉnh, làng Hồ Khẩu với đền Thăng Long.

Nguyên nhân thứ hai, chùa cũng là một thiết chế văn hóa của làng, làng nào cũng có chùa. Trong đời sống tâm linh truyền thống, chùa dành cho phụ nữ, trong khi đình là nơi bàn việc làng, là nơi lui tới của đàn ông, tráng đinh trong làng. Cấu trúc làng bị giải thể, chùa ở nơi này nơi kia bị đổ nát hoang phế, nhưng nhìn chung chúng có vận mệnh độc lập với vận mệnh của làng, khác với ngôi đình cộng mệnh với vận mệnh của làng. Tín đồ lui tới chùa trong xã hội

truyền thống là phụ nữ thì nay phụ nữ vẫn là lớp tín đồ nòng cốt của chùa. Chùa nào ở Hà Nội hiện nay cũng tập hợp được một hội hàng quy các vải từ khoảng hai ba chục đến hàng trăm người như các chùa Quán Sứ, chùa Phúc Khánh, chùa Hoè Nai, chùa Hai Bà Trưng, v.v...

Hội hàng quy tham gia tụng kinh niệm Phật trong các nghi lễ của chùa từ những nghi lễ thuần túy của đạo Phật như Lễ Vu lan, Lễ Vạn Phật kéo dài 12 ngày (tụng kinh một vạn mười hai nghìn vị Phật), đến các nghi lễ tín ngưỡng dân gian như cầu an đầu năm, cúng sao giải hạn, lễ tạ mộ,... Mỗi bà vải trong hội hàng quy chính là một tuyên truyền viên trong từng gia đình, trong các mối quan hệ bạn bè, hàng xóm... tuyên truyền khuếch trương, các hoạt động của ngôi chùa mà bà tham gia. Chùa Quán Sứ và chùa Phúc Khánh là hai ngôi chùa hiện có những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian khá tiêu biểu.

Tóm lại, Hà Nội luôn gọi cho tất cả chúng ta những gì sâu lắng và ẩn tàng, quá khứ và hiện tại. Sự đa dạng, sự bền vững của đời sống tinh thần trong đó có đời sống tâm linh là di sản quý báu luôn được người Hà Nội trân trọng giữ gìn và phát triển. Văn hóa tinh thần, trong đó có đời sống tín ngưỡng dân gian, với những biến thiên của nó đang là vấn đề được quan tâm trước xu hướng đô thị hoá. Từ góc độ đời sống tâm linh, vấn đề đô thị hoá và văn hóa đô thị được đặt ra dưới góc độ mới về những quy luật chi phối xã hội truyền thống cũng như hiện đại. Vấn đề văn hóa hóa các sinh hoạt tín ngưỡng với mục tiêu xây dựng một đời sống tâm linh tích cực là phù hợp với quy luật phát triển của quá trình đô thị hoá Hà Nội hiện nay. /.